

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ**

Số: 110/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH**Về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hoạt động bán hàng đa cấp và quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp bán hàng đa cấp và người tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp.

Điều 3. Bán hàng đa cấp

1. Bán hàng đa cấp là phương thức tiếp thị để bán lẻ hàng hóa đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 11 Điều 3 Luật Cạnh tranh.

2. Doanh nghiệp chỉ được tổ chức bán hàng đa cấp sau khi được cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

Điều 4. Người tham gia bán hàng đa cấp

1. Người tham gia bán hàng đa cấp (sau đây gọi chung là người tham gia) là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã ký hợp đồng tham gia bán hàng đa

cấp với doanh nghiệp bán hàng đa cấp, trừ những cá nhân được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Những cá nhân sau đây không được tham gia bán hàng đa cấp:

a) Người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc có tiền án về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả, quảng cáo gian dối, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng, các tội về lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản;

b) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không có Giấy phép lao động tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 5. Hàng hóa được kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp

1. Tất cả hàng hóa đều được kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp, trừ những trường hợp sau đây:

a) Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm lưu thông, Danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh, hàng giả, hàng nhập lậu theo quy định của pháp luật;

b) Hàng hóa là thuốc phòng chữa bệnh cho người; các loại vắc xin, sinh phẩm; trang thiết bị y tế và dụng cụ y tế; các loại thuốc thú y (bao gồm cả thuốc thú y thủy sản), thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; nguyên liệu làm thuốc chữa bệnh; các

loại hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa được kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật;

b) Đảm bảo rõ ràng, hợp pháp về nguồn gốc, xuất xứ, tính năng, công dụng của hàng hóa;

c) Có nhãn hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Điều 6. Trách nhiệm của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm xây dựng và công bố công khai Quy tắc hoạt động của doanh nghiệp và người tham gia trong hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm cung cấp tài liệu cho người có dự định tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp của doanh nghiệp về các nội dung sau đây:

a) Chương trình bán hàng, bao gồm cách thức trả thưởng; hợp đồng mẫu mà

doanh nghiệp sẽ ký với người tham gia và mọi thỏa thuận khác quy định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia; thông tin về tiêu chuẩn chất lượng hoặc chứng chỉ chất lượng (nếu có), giá cả, công dụng và cách thức sử dụng hàng hóa được bán; quy định liên quan đến bảo hành, trả lại, mua lại hàng hóa được bán;

b) Chương trình đào tạo người tham gia, bao gồm nội dung đào tạo; thời gian đào tạo; trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ đào tạo; thời gian và nội dung bồi dưỡng định kỳ cho người tham gia;

c) Quy tắc hoạt động trong đó hướng dẫn cách thức giao dịch và quy định liên quan đến bán hàng đa cấp;

d) Trách nhiệm của người tham gia;

đ) Lợi ích kinh tế mà người tham gia có thể có được bằng việc tiếp thị hay trực tiếp bán hàng hóa và các điều kiện để có được lợi ích kinh tế đó;

e) Điều kiện chấm dứt hợp đồng của người tham gia và quyền, nghĩa vụ phát sinh từ việc chấm dứt hợp đồng này;

g) Các vấn đề khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp còn có các trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm tính trung thực và độ chính xác của các thông tin cung cấp cho người tham gia;

b) Bảo đảm chất lượng của hàng hóa được bán theo phương thức bán hàng đa cấp;

c) Giải quyết các khiếu nại của người tham gia và người tiêu dùng;

d) Khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân của người tham gia để nộp vào ngân sách nhà nước trước khi chi trả hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác cho người tham gia;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bán hàng đa cấp, pháp luật về bán hàng đa cấp cho người tham gia;

e) Quản lý người tham gia qua hệ thống thẻ thành viên mạng lưới bán hàng đa cấp theo mẫu do Bộ Thương mại quy định;

g) Thông báo cho người tham gia những hàng hóa thuộc diện không được doanh nghiệp mua lại trước khi người đó tiến hành mua hàng.

Điều 7. Những hành vi bị cấm của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

Cấm doanh nghiệp bán hàng đa cấp thực hiện những hành vi sau đây:

1. Yêu cầu người muốn tham gia phải đặt cọc để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp.

2. Yêu cầu người muốn tham gia phải mua một số lượng hàng hóa ban đầu để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp.

3. Yêu cầu người muốn tham gia phải

0968827
 LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

trả tiền hoặc trả bất kỳ khoản phí nào dưới hình thức khóa học, khóa đào tạo, hội thảo, hoạt động xã hội hay các hoạt động tương tự khác để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp, trừ tiền mua tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

4. Không cam kết cho người tham gia trả lại hàng hóa và nhận lại khoản tiền đã chuyển cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

5. Cản trở người tham gia trả lại hàng hóa phát sinh từ việc chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp.

6. Cho người tham gia nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác từ việc dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp.

7. Từ chối chi trả không có lý do chính đáng các khoản hoa hồng, tiền thưởng hay các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia có quyền hưởng.

8. Cung cấp thông tin gian dối về lợi ích của việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp để dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp.

9. Cung cấp thông tin sai lệch về tính chất, công dụng của hàng hóa để dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp.

Điều 8. Trách nhiệm và những hành vi bị cấm của người tham gia

1. Khi tham gia hoạt động bán hàng đa cấp, người tham gia có những trách nhiệm sau đây:

a) Xuất trình thẻ thành viên mạng lưới bán hàng đa cấp trước khi giới thiệu hàng hóa hoặc tiếp thị bán hàng;

b) Thông báo đầy đủ những nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này khi bảo trợ một người khác tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp;

c) Đưa tin trung thực, chính xác về loại, chất lượng, giá cả, công dụng, cách thức sử dụng của hàng hóa được bán;

d) Tuân thủ quy định trong Quy tắc hoạt động và Chương trình bán hàng của doanh nghiệp.

2. Cấm người tham gia thực hiện những hành vi sau đây:

a) Yêu cầu người được mình bảo trợ tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp trả bất kỳ khoản phí nào dưới danh nghĩa khóa học, khóa đào tạo, hội thảo, hoạt động xã hội hay các hoạt động tương tự khác;

b) Cung cấp thông tin gian dối về lợi ích của việc tham gia bán hàng đa cấp, thông tin sai lệch về tính chất, công dụng của hàng hóa, về hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp để dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp.

Điều 9. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải ký kết hợp đồng tham gia bằng văn bản với người tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp.

2. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm hướng dẫn về các nội dung cơ bản của hợp đồng mẫu cho hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp

1. Người tham gia có quyền chấm dứt hợp đồng tham gia bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp trước khi chấm dứt hợp đồng tối thiểu là 7 ngày làm việc.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có quyền chấm dứt hợp đồng với người tham gia khi người tham gia vi phạm các quy định tại Điều 8 Nghị định này và phải thông báo cho người tham gia biết bằng văn bản trước khi chấm dứt hợp đồng tối thiểu là 7 ngày làm việc.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm sau đây:

a) Mua lại từ người tham gia hàng hóa đã bán cho người tham gia theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

b) Thanh toán cho người tham gia tiền hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế mà người tham gia có quyền nhận trong quá trình tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp.

Điều 11. Mua lại hàng hóa của người tham gia khi chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải mua lại hàng hóa đã bán cho người tham gia khi hàng hóa đó đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có thể bán lại theo mục đích sử dụng ban đầu của hàng hóa;

b) Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày người tham gia nhận hàng.

2. Trong trường hợp phải mua lại hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều này doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm:

a) Hoàn lại tổng số tiền mà người tham gia đã trả để nhận được hàng hóa đó nếu không có căn cứ để khấu trừ theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Trong trường hợp doanh nghiệp phải chịu các chi phí quản lý, tái lưu kho và các chi phí hành chính khác thì phải hoàn lại tổng số tiền không ít hơn 90% khoản tiền mà người tham gia đã trả để nhận được hàng hóa đó.

3. Khi hoàn lại tiền theo quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể khấu trừ tiền hoa hồng, tiền thưởng và/hoặc lợi ích kinh tế khác mà người tham gia đã nhận từ việc nhận hàng hóa đó.

4. Quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp hàng hóa thuộc diện không phải mua lại bao gồm: hàng hóa khi trả lại đã hết hạn sử dụng, hàng hóa theo mùa hoặc hàng hóa dùng để khuyến mại.

LawSOS * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 12. Ràng buộc trách nhiệm giữa doanh nghiệp bán hàng đa cấp và người tham gia

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm bồi thường cho người tiêu dùng hoặc người tham gia trong các trường hợp sau đây:

a) Người tham gia gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc người tham gia khác khi thực hiện đúng Quy tắc hoạt động và Chương trình bán hàng của doanh nghiệp;

b) Người tham gia không được thông tin đầy đủ về hàng hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thường xuyên giám sát hoạt động của người tham gia để bảo đảm người tham gia thực hiện đúng Quy tắc hoạt động và Chương trình bán hàng của doanh nghiệp.

3. Trường hợp không tuân thủ các quy định tại Điều 8 Nghị định này và gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc người tham gia khác, người tham gia bán hàng đa cấp có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã gây ra.

Điều 13. Thông tin về các lợi ích khi tham gia bán hàng đa cấp

Trường hợp sử dụng một cá nhân tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp để giới thiệu hoạt động bán hàng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp hoặc người tham gia phải nêu rõ tên, tuổi, địa chỉ, thời gian

tham gia, lợi nhuận thu được từng kỳ có biên lai xác nhận của cơ quan thuế đã thu thuế của người đó.

Chương III

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Điều 14. Điều kiện cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp

Doanh nghiệp được cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp khi đáp ứng đủ những điều kiện sau đây:

1. Đã thực hiện ký quỹ theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

2. Kinh doanh hàng hóa phù hợp với ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Có đủ điều kiện kinh doanh hoặc được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong trường hợp kinh doanh hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện.

4. Có Chương trình bán hàng minh bạch và không trái pháp luật.

5. Có Chương trình đào tạo người tham gia rõ ràng.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp được nộp tại Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch cấp

tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp theo mẫu của Bộ Thương mại.

2. Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Văn bản xác nhận của ngân hàng về số tiền ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

4. Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong trường hợp kinh doanh hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện.

5. Danh sách và lý lịch của những người đứng đầu doanh nghiệp có ảnh và xác nhận của công an xã, phường nơi cư trú. Đối với người nước ngoài, phải có xác nhận của Đại sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự tại Việt Nam của nước người đó mang quốc tịch.

6. Chương trình bán hàng có các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

7. Chương trình đào tạo người tham gia có các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Điều 16. Thủ tục cấp, bổ sung Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du

lich cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh có trách nhiệm cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp khi hồ sơ của doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Trường hợp không cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp, Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp phải nộp lệ phí cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp. Mức thu lệ phí và chế độ quản lý sử dụng lệ phí do Bộ Tài chính quy định.

3. Trường hợp có những thay đổi liên quan đến nội dung của Chương trình bán hàng thì doanh nghiệp có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị cấp bổ sung Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp.

Trình tự, thời hạn cấp bổ sung Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày cấp hoặc cấp bổ sung Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp, Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản tới cơ quan quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Thương mại.

5. Khi doanh nghiệp bán hàng đa cấp phát triển mạng lưới bán hàng ra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà doanh nghiệp không đặt trụ sở chính,

LawSut - Tel: +849 388 6664 - www.lawviettaphu.com

doanh nghiệp phải thông báo cho Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

6. Bộ Thương mại quy định mẫu Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp và mẫu Thông báo tổ chức bán hàng đa cấp.

Điều 17. Ký quỹ

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải ký quỹ 5% vốn điều lệ nhưng không thấp hơn một tỷ đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam.

2. Khi có thông báo ngừng hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp được sử dụng tiền ký quỹ để chi trả tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc tiền mua lại hàng hóa từ người tham gia.

3. Khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ được rút toàn bộ số tiền ký quỹ trong trường hợp không có bất cứ khiếu kiện nào từ phía người tham gia bán hàng đa cấp liên quan đến việc chi trả tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc tiền mua lại hàng hóa.

Điều 18. Thu hồi Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp

1. Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch thu hồi Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp trong những trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong trường hợp kinh doanh hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện;

c) Hồ sơ xin cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp có thông tin gian dối do cố ý;

d) Có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Trong trường hợp bị thu hồi Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp theo quy định khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải đình chỉ ngay việc bán hàng đa cấp, đình chỉ việc tuyển dụng người tham gia mới và phải thực hiện trách nhiệm đối với người tham gia theo quy định tại Điều 11 Nghị định này hoặc bồi thường cho người tiêu dùng, người tham gia đối với các vụ việc phát sinh từ những giao kết trước ngày bị thu hồi Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp.

3. Quyết định thu hồi Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp được Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch gửi tới cơ quan quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Thương mại và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 19. Tạm ngừng, chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

1. Khi muốn tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

b) Thông báo với Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh; đồng thời, thông báo công khai ở trụ sở chính và thông báo cho những người tham gia biết trong thời hạn 30 ngày làm việc trước khi tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động.

2. Trong trường hợp tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải tiến hành thanh lý hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với người tham gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định này trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 20. Báo cáo định kỳ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

Định kỳ 6 tháng doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm báo cáo với Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh về số lượng người tham gia, doanh thu và số thuế đã nộp của doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân của người tham gia mà doanh nghiệp đã nộp hộ.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Thương mại

1. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng

quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trong phạm vi cả nước.

2. Cơ quan quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Thương mại có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Thương mại trong các nội dung quản lý cụ thể sau đây:

a) Hướng dẫn các Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch trong việc cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp; kiểm tra việc quản lý hoạt động bán hàng đa cấp của các Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch;

b) Trực tiếp kiểm tra, thanh tra hoạt động bán hàng đa cấp khi cần thiết; xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Kiến nghị với Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan đến việc bảo đảm trật tự trong tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp, bảo vệ quyền lợi của người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp, người tiêu dùng và giữ ổn định kinh tế - xã hội.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với phương thức bán hàng đa cấp theo thẩm quyền và theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Thương mại theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp; thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn và báo cáo định kỳ với cơ quan quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Thương mại về việc kiểm tra, giám sát đó.

Điều 23. Xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp có hành vi vi phạm sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Tổ chức bán hàng đa cấp khi chưa đủ điều kiện quy định;

b) Vi phạm quy định về đối tượng được tham gia bán hàng đa cấp;

c) Vi phạm quy định về hàng hóa được phép kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp;

d) Không thông báo đầy đủ thông tin theo quy định khi bảo trợ người tham gia mới vào mạng lưới bán hàng;

đ) Thực hiện những hành vi mà doanh nghiệp bán hàng đa cấp và người tham gia bán hàng đa cấp không được phép thực hiện;

e) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp

không ký hợp đồng bằng văn bản với người tham gia;

g) Vi phạm các quy định về chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp;

h) Không chấp hành chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;

i) Thay đổi nội dung của Chương trình bán hàng mà không làm thủ tục đề nghị cấp bổ sung Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp;

k) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp vi phạm quy định về số tiền ký quỹ, chi trả từ tiền ký quỹ trong quá trình hoạt động;

l) Không nộp thuế theo quy định của pháp luật;

m) Không chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tiến hành kiểm tra, thanh tra;

n) Vi phạm các quy định khác của Nghị định này.

2. Trường hợp doanh nghiệp hoặc người tham gia bán hàng đa cấp vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích vật chất của tổ chức, cá nhân liên quan thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm hành chính

1. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại Điều 23 Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật Cạnh tranh và Pháp lệnh về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ tục xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại Điều 23 Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã đăng ký kinh doanh trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực có trách nhiệm

làm thủ tục đề nghị cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp tại Sở Thương mại hoặc Sở Thương mại - Du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải